TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2019/KDTM-PT
Ngày 21 - 8 - 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán cổ phần"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Thị Thu Từ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***:
Bà Trương Thị Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2019/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc "Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán chuyển nhượng cổ phần và chấm dứt hợp đồng".

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 22, Phố N, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Mạnh L, sinh năm 1983 - Chuyên viên Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản và ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1977 - Chuyên viên cao cấp Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản; đều có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 47, Đường N, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Duy L, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; theo giấy ủy quyền ngày 01 tháng 8 năm 2019; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần T; địa chỉ: Số 47, Đường N, phường Q, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến C, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1989 - Nhân viên pháp chế; theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-NAPROD ngày 22 tháng 01 năm 2019; có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trình bày:

Ngày 30 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D (bên A) (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ) và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S (bên B) (gọi tắt là S) đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010 NAFOODS với nội dung: Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S số cổ phần bên A đang sở hữu tại Công ty Cổ phần T là 2.715.233 cổ phần cùng toàn bộ quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của bên A tương ứng với tỷ lệ cổ phần chuyển nhượng theo các thỏa thuận tại hợp đồng này. Đặc điểm cổ phần: Tên cổ phần: Công ty Cổ phần T (Nafoods); số lượng cổ phần chuyển nhượng 2.715.233 cổ phần; mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần; giá trị cổ phần theo mệnh giá 27.152.330.000 đồng. Giá trị hợp đồng: Giá chuyển nhượng 10.000 đồng/cổ phần; tổng giá trị chuyển nhượng cổ phần 27.152.330.000 đồng. Phương thức thanh toán: Sau 01 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng này, bên B đặt cọc cho bên A số tiền 1.000.000.000 đồng; trong vòng 10 ngày tiếp theo, bên B chuyển cho bên A số tiền 5.788.082.500 đồng. Tổng số tiền đặt cọc nêu trên của bên B cho bên A là 6.788.082.500 đồng, tương ứng 25% giá trị hợp đồng; bên B trả chậm cho bên A toàn bộ giá trị Hợp đồng còn lại 75% với số tiền là 20.364.247.500 đồng, trong vòng 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất chậm trả cố định 12%/năm (tối đa đến ngày 30 tháng 7 năm 2011). Đến hạn

thanh toán, bên B không thanh toán đầy đủ 75% giá trị hợp đồng chuyển nhượng cho bên A, bên A có toàn quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với bên B và bên B phải chịu mất toàn bộ số tiền đặt cọc và thanh toán cho bên A theo quy định tại khoản 4.1 điều này cho bên A .... Thủ tục chuyển nhượng: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng cho bên A quy định tại điều 4 hợp đồng này, bên A có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục có liên quan để thực hiện chuyển nhượng cổ phần Nafoods cho bên B theo quy định và điều lệ của Công ty Cổ phần T. Ngoài ra, còn quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên; phạt vi phạm, giải quyết tranh chấp; thuế và các phí khác có liên quan và điều khoản thi hành. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần thì Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S (bên B) đã chuyển số tiền là 6.788.082.500 đồng cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D (bên A).

Ngày 30 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D (bên A) và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S (bên B) đã ký kết Phụ lục 01 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (số 01/2010/NAFOODS) thống nhất sửa đổi, bổ sung một số điều của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng chuyển nhượng số 73

1.1. Bổ sung khoản 4.2 điều 4 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73 như sau:

"PVFC đồng ý gia hạn thời gian trả chậm cho S thêm 01 năm kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2011 đến hết ngày 30 tháng 7 năm 2012 đối với 75% tổng giá trị chuyển nhượng tương ứng với số tiền là 20.364.247.500 đồng. Trong thời gian chậm trả áp dụng lãi suất cố định là 12%/năm.

1.2. Sửa đổi điểm g và bổ sung điểm h khoản 6.1 điều 6 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73 sau: "g. Trong thời gian gia hạn, PVFC ... thực hiện công việc kiểm tra, kiểm soát của mình"; h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật" ....

Ngày 28 tháng 9 năm 2016 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S, ông Nguyễn Mạnh H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã ký kết Phụ lục 2 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (số 02/Đbank- SN-O.H) với nội dung: Công ty Tài chính Cổ phần D (PVFC) nay là Đbank và S đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS ngày 30 tháng 7 năm 2010 và Phụ lục số 01/2010/NAFOODS ngày 30 tháng 7 năm 2011 (sau đây gọi là Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần'). Theo đó, PVFC ..... trước

ngày ký phụ lục này, S đã ký hợp đồng đặt cọc cho PVFC 6.788.082.500 đồng, tương đương 25% giá chuyển nhượng.

Từ cuối năm 2013, PVFC đã hợp nhất với Ngân hàng Thương mại Cổ phần P để trở thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Đbank). Sau hợp nhất, Đbank kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của PVFC theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

Nay S muốn chuyển nhượng cho ông H, ông H đồng ý nhận chuyển nhượng từ S, toàn bộ quyền và nghĩa vụ của S theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. ... Do vậy các bên thỏa thuận như sau:

Điều 1: Chuyển nhượng

1.1 S đồng ý chuyển nhượng cho ông H và ông H đồng ý nhận chuyển nhượng từ S, toàn bộ quyền và nghĩa vụ của S theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

Theo đó, kể từ ngày ký Phụ lục này, ông H sẽ tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của S, cụ thể đó là quyền nhận quyền sở hữu 2.715.233 cổ phần Công ty Cổ phần T từ Đbank và nghĩa vụ thanh toán cho Đbank 75% còn lại của giá chuyển nhượng, bằng 20.364.247.500 đồng, như quy định tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (mà được sửa đổi theo quy định tại Điều 2 của phụ lục này). Để làm rõ, kể từ ngày ký Phụ lục này, ông H sẽ tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Đbank theo các điều khoản của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (mà được sửa đổi theo phụ lục này).

Các bên xác nhận rằng cho đến ngày ký Phụ lục này, S đã thanh toán một phần giá chuyển nhượng cho Đbank, bằng 25% giá chuyển nhượng, tương đương 6.788.082.500 đồng. Quyền nhận cổ phần Thực phẩm Nghệ An tương ứng với phần giá chuyển nhượng đã thanh toán đó nằm trong các quyền chuyển nhượng cho ông H theo phụ lục này.

Kể từ ngày ký phụ lục này, mọi giao dịch liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng Cổ phần sẽ được thực hiện giữa Đbank và ông H.

1.1. Đbank đồng ý việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của S theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho ông H theo Phụ lục này....

1.4. Ông H và S đồng ý rằng Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số B01/2010 SN-HUNG ngày 30 tháng 7 năm 2010 và Phụ lục số 01 ký ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa ông H và S bị hủy bỏ toàn bộ kể từ ngày ký Phụ lục này.

Sau khi ký kết Phụ lục 2 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 28 tháng 9/năm 2016 thì ông H đã thanh toán thêm được lần 01 đợt 01 vào năm 2016 số tiền là 610.927.425 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ sau đó thì vi phạm Hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán cho đến nay.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Đbank) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODSvà các Phụ lục kèm theo cụ thể:

- Buộc ông Nguyễn Mạnh H phải thanh toán cho Đbank hai đợt gồm đợt 02 năm 2016 số tiền 2.443.709.700 đồng và đợt 01 năm 2017 số tiền 3.054.637.125 đồng và lãi suất tính đến ngày 07 tháng 3 năm 2019 là 854.534.736 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi suất là 6.352.881.561 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Mạnh H tiếp tục thực hiện hợp đồng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

- Quá trình giải quyết, ngân hàng yêu cầu ông H phải thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng tương đương 5% giá trị hợp đồng trên số tiền 20.364.247.500 đồng là 1.018.212.375 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ngân hàng xin thay đổi yêu cầu đề nghị ông H phải thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng tương đương 5% giá trị hợp đồng trên số tiền 5.498.346.825 đồng là 274.917.341 đồng.

Trong trường hợp ông Nguyễn Mạnh H không thực hiện theo quyết định/bản án của Tòa án, Đbank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành đối với số tiền ông Nguyễn Mạnh H còn phải thực hiện đối với Đbank.

Người bảo vệ quyền lợi và đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Mạnh H thống nhất trình bày: Ông Nguyễn Mạnh H thừa nhận ngày 28 tháng 9 năm 2016, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S, ông Nguyễn Mạnh H và Đbank đã ký Phụ lục số 02/Đbank - SN-O.H của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS ("Phụ lục số 02"). Theo nội dung Phụ lục số 02, S đồng ý chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của S theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS ("Hợp đồng số 73") ngày 30 tháng 7 năm 2010 như trình bày của đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là đúng. Sau khi ký kết Hợp đồng ông H đã thanh toán được lần 01 đợt 01 của năm 2016 số tiền 610.927.425 đồng thì không thanh toán được nữa. Nay, ngân hàng khởi kiện như vậy thì ông H không đồng ý, vì theo nội dung Phụ lục hợp đồng số 02/Đbank-SN-O.H ngày 28 tháng 9 năm 2016 thì S đồng ý chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của S theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS cho ông H và ông H đồng ý kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của S theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS. Theo Hợp đồng này thì hợp đồng có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký (ngày 28 tháng 9 năm 2016) đến ngày thanh toán cuối cùng là 31 tháng 3 năm 2019. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là ngày cuối cùng của thanh toán đợt 01 lần 02 năm 2016 nhưng ông H đã không có khả năng thanh toán tiếp. Sau đó ông H có nhận được văn bản yêu cầu tiếp tục thanh toán theo thỏa thuận của Ngân hàng. Trong quá trình đó cũng như quá trình

giải quyết vụ án ông H đã có đề nghị cũng như văn bản gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ xin gia hạn thời gian thanh toán nhưng Ngân hàng không đồng ý gia hạn thanh toán. Sau đó ông H nhận được văn bản số 2564/PVB-K.ĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thông báo việc vi phạm thời hạn thanh toán theo điều 4, mục 4.3, Phụ lục 2 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/Đbank - SN-O.H ngày 28 tháng 9 năm 2016 và đơn phương chấm dứt hợp đồng, toàn quyền định đoạt số cổ phần 2.715.233 cổ phần của Công ty Thực phẩm Nghệ An. Theo quy định tại Điều 424 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì ngân hàng đã đơn phương chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và hợp đồng này được chấm dứt kể từ ngày ông H nhận được thông báo, nếu hai bên không có thỏa thuận nào khác. Như vậy, tại thời điểm ông H nhận được văn bản này, ngân hàng đã chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Ngoài ra, sau khi nhận được văn bản này thì ông H có văn bản xin ngân hàng gia hạn thời hạn thanh toán nhưng ngân hàng không có bất kỳ văn bản nào đồng ý về việc này mà lại khởi kiện là không đúng. Vì vậy, ngày 08 tháng 10 năm 2018, ông Hùng có đơn đề nghị phản tố yêu cầu chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS ngày 30 tháng 7 năm 2010 giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D (PVFC) và Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất và Dịch vụ S và Phụ lục 2 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/Đbank-SN-O.H giữa Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất và Dịch vụ S, ông Nguyễn Mạnh H và theo thỏa thuận của hai bên tại mục 4.3 Điều 4 của Phụ lục 02 ngày 28 tháng 9 năm 2016 quy định: "… nếu ông H chậm thanh toán bất kỳ phần nào của giá trị chuyển nhượng cổ phần cho Đbank quá 60 ngày kể từ ngày đến hạn quy định tại Mục 4.2 trên đây, Đbank có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và có quyền định đoạt 2.715.233 cổ phần của Công ty Cổ phần T nêu tại Hợp đồng, đồng thời, Đbank được hưởng toàn bộ số tiền mà ông H và S đã thanh toán cho Đbank".

Đối với yêu cầu phạt vi phạm Hợp đồng thì Ngân hàng căn cứ điểm 7.1 điều 7 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần 73/2010/NAFOODS thì hai bên thống nhất phạt vi phạm với mức phạt 5% giá trị Hợp đồng bị vi phạm. Tuy nhiên, tại điều 301 Luật Thương mại quy định " ... giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm ...". Như vậy, tại điểm 7.1 điều 7 Hợp đồng chuyển nhượng số 73/2010/NAFOODS hai bên đã thỏa thuận không đúng quy định pháp luật nên vô hiệu ngay tại thời điểm ký kết Hợp đồng. Vì vậy, ông H không chấp nhận phạt vi phạm hợp đồng như Ngân hàng yêu cầu. Ngoài ra việc hai bên thỏa thuận giải quyết hậu quả khi chấm dứt hợp đồng là Ngân hàng được hưởng toàn bộ số tiền mà ông H đã thanh toán nên đây cũng được coi là phạt vi phạm theo thỏa thuận là Ngân hàng Đbank sẽ được

hưởng toàn bộ số tiền mà ông H và S đã thanh toán là: 7.399.009.925 đồng và toàn quyền định đoạt toàn bộ số cổ phần trên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty Cổ phần T trình bày: Công ty Cổ phần T được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 05 tháng 12 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 03 tháng 9 năm 2015, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Tiến Chinh, chức vụ: Giám đốc. Theo đại diện Công ty Cổ phần T, việc chuyển nhượng cổ phần giữa hai cổ đông với nhau là một bên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và một bên là ông Nguyễn Mạnh H. Cổ phần chuyển nhượng là cổ phần phổ thông không thuộc trường hợp hạn chế chuyển nhượng cổ phần của Luật Doanh nghiệp. Số cổ phần mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chuyển nhượng cho ông Nguyễn Mạnh H hiện nay vẫn đang thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ nên tranh chấp này không liên quan đến Công ty Cổ phần T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ các Điều 424, 449, 461 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 77, 78, 79 Luật Doanh nghiệp; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về yêu cầu thanh toán số tiền lần 02 đợt 01 năm 2016 và lần 01 đợt 02 năm 2017 và lãi suất tính đến ngày 07 tháng 3 năm 2019 số tiền 6.352.881.561 đồng và buộc tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D (PVFC) nay là Đbank và S và Phụ lục 2 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/Đbank-SN-O.H ngày 28 tháng 9 năm 2016 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S, ông Nguyễn Mạnh H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

- Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D (PVFC) nay là Đbank và S và Phụ lục 2 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/Đbank-SN-O.H ngày 28 tháng 9 năm 2016 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S, ông Nguyễn Mạnh H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền sở hữu số tiền 7.399.009.925 đồng do Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S và ông Nguyễn Mạnh H đã thanh toán.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về phạt vi phạm hợp đồng số tiền 274.917.341 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 3 năm 2019, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ kháng cáo toàn bộ Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; với lý do: Đbank cho rằng việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 73, Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 của nguyên đơn; tuyên chấm dứt Hợp đồng số 73, Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02; không chấp nhận yêu cầu tiền phạt hợp đồng của Đbank đã không thể hiện đúng bản chất vụ án, đưa ra phán quyết khi không hiểu đúng, chính xác về nội dung giao dịch của các đương sự, ảnh hưởng đến tính khách quan, trung thực khi giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

- Bác toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

- Buộc ông Nguyễn Mạnh H phải thanh toán cho Đbank:

+ Số tiền thanh toán đợt (ii) năm 2016 là 2.443.709.700 đồng;

+ Số tiền thanh toán đợt (i) năm 2017 là 3.054.637.125 đồng;

+ Số tiền chậm thanh toán đợt (ii) của năm 2016 và đợt (i) của năm 2017 tạm tính đến ngày 07 tháng 3 năm 2019 là 854.534.736 đồng;

+ Số tiền phạt vi phạm hợp đồng tương đương 05% giá trị hợp đồng của số tiền vi phạm của số tiền gốc 02 đợt như trên là 274.917.736 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Mạnh H tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS và các Phụ lục kèm theo cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ;

- Trong trường hợp ông Nguyễn Mạnh H không thực hiện theo quyết đinh/bản án của Tòa án, Đbank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành đối với số tiền ông H còn phải thực hiện đối với Đbank.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ngân hàng giữ nguyên nội dung kháng cáo nhưng chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông Nguyễn Mạnh H phải thanh toán số tiền đợt 02 năm 2016, đợt 01 năm 2017; số tiền chậm thanh toán của cả 02 đợt; số

tiền phạt vi phạm hợp đồng và buộc ông H phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS và Phụ lục số 02 ngày 28 tháng 9 năm 2016.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần T không có yêu cầu gì, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 và Điều 294; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Tuy nhiên, cần sửa bản án sơ thẩm, buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H thanh toán lần 02 đợt 01 năm 2016 và lần 01 đợt 02 năm 2017 do không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung vụ án: Ngày 30 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D (bên A) và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S (bên B) ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS thực hiện việc chuyển nhượng 2.715.233 cổ phần cùng toàn bộ quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của bên A cho bên B; giá trị chuyển nhượng mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tổng giá

trị hợp đồng là 27.152.330.000 đồng, thời hạn hợp đồng là 01 năm. Sau khi ký hợp đồng, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S đã chuyển cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D số tiền 6.788.082.500 đồng, tương đương với 25% giá trị hợp đồng. Ngày 30 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S ký Phụ lục số 01 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hợp đồng số 73. Đến ngày 28 tháng 9 năm 2017, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S, ông Nguyễn Mạnh H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (hợp nhất từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D và Ngân hàng Thương mại Cổ phần P) đã ký Phụ lục hợp đồng số 02, theo đó ông H đồng ý nhận chuyển nhượng từ Công ty S toàn bộ quyền và nghĩa vụ còn lại theo Hợp đồng số 73 là 2.715.233 cổ phần, với giá trị 20.364.247.500 đồng (tương ứng với 75% giá trị hợp đồng), thời hạn hợp đồng đến ngày 31 tháng 3 năm 2019. Sau khi ký phụ lục hợp đồng, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã khởi kiện đề nghị Tòa án tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký kết. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và tuyên bố chấm dứt Hợp đồng số 72, Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02. Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ kháng cáo toàn bộ bản án.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bị đơn ông Nguyễn Mạnh H thừa nhận việc hai bên đã ký giao kết việc chuyển nhượng số cổ phần ngân hàng đang sở hữu tại Công ty Cổ phần T. Ông H là người nhận chuyển giao quyền và lợi ích từ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S. Xét thấy, việc giao kết giữa các bên đã được thực hiện trên cơ sở tự nguyên; không ai bị lừa dối hay ép buộc; các bên tham gia giao dịch có đủ thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên ghi nhận trong các điều khoản của hợp đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng, ông H đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ lần 01 đợt 01 vào năm 2016 là 610.927.425 đồng và không thực hiện được hợp đồng như đã cam kết. Ngân hàng Thương mại Cổ phần đã có công văn ngày 26 tháng 12 năm 2016 và ngày 10 tháng 02 năm 2017 yêu cầu ông H thực hiện việc thanh toán. Ngày 15 tháng 3 năm 2017, ông H cũng đã có văn bản gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ xin gia hạn việc thanh toán nhưng không được chấp nhận.

Căn cứ khoản 4.3 Điều 4 Phụ lục số 02 hợp đồng chuyển nhượng thì: "Trường hợp ông H không (hoặc chậm) thanh toán bất kỳ phần nào của giá chuyển nhượng cổ

phần... nếu ông H chậm thanh toán bất kỳ phần nào của giá trị chuyển nhượng cổ phần cho Đbank quá 60 ngày kể từ ngày đến hạn như quy định tại Mục 4.2 trên đây, Đbank có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và có toàn quyền định đoạt 2.715.233 cổ phần của Công ty Cổ phần T nêu tại hợp đồng, đồng thời Đbank được hưởng toàn bộ số tiền mà ông H và S đã thanh toán cho Đbank". Ngày 15 tháng 3 năm 2017, Ngân hàng có công văn số 2564/PVB-K.ĐK thông báo ông H đã chậm thanh toán từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 đến ngày 15 tháng 3 năm 2017 là 72 ngày, ông H đã vi phạm khoản 4.3 Điều 4 Phụ lục số 02 hợp đồng chuyển nhượng, Đbank có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và có toàn quyền định đoạt 2.715.233 cổ phần của Công ty Cổ phần T và được hưởng toàn bộ số tiền mà ông H và S đã thanh toán cho Đbank. Như vậy, tại thời điểm này, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã đơn phương chấm dứt hợp đồng đã ký với ông H. Do đó, việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện đề nghị ông H phải thanh toán số tiền đợt 02 năm 2016 là 2.443.709.700 đồng, số tiền đợt 01 năm 2017 là 3.054.637.125 đồng, tiền lãi phát sinh là 854.534.736 đồng; tổng cộng 6.352.881.561 đồng, số tiền phạt vi phạm hợp đồng 274.917.341 đồng và buộc ông H tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS và các phụ lục kèm theo là không có căn cứ. Đối với quyết định của bản án sơ thẩm về quyền sở hữu số tiền 7.399.009.925 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các lập luận và chứng cứ nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị là đúng pháp luật.

[4] Về án phí: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với các yêu cầu không được chấp nhận bao gồm: Số tiền đợt 02 năm 2016 là 2.443.709.700 đồng, số tiền đợt 01 năm 2017 là 3.054.637.125 đồng, tiền lãi phát sinh là 854.534.736 đồng; tổng cộng 6.352.881.561 đồng, số tiền phạt vi phạm hợp đồng 274.917.341 đồng và yêu cầu buộc ông H tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS và các phụ lục kèm theo. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Đối với án phí phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Căn cứ các Điều 424, 449, 461 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 77, 78, 79 Luật Doanh nghiệp; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về yêu cầu thanh toán số tiền lần 02 đợt 01 năm 2016 và lần 01 đợt 02 năm 2017 và lãi suất tính đến ngày 07 tháng 3 năm 2019, tổng số tiền 6.352.881.561 đồng (Sáu tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, năm trăm sáu mươi mốt đồng) và buộc tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D (PVFC) nay là Đbank và S và Phụ lục 2 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/Đbank-SN-O.H ngày 28 tháng 9 năm 2016 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S, ông Nguyễn Mạnh H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

- Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 73/2010/NAFOODS giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần D (PVFC) nay là Đbank và S và Phụ lục 2 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/Đbank-SN-O.H ngày 28 tháng 9 năm 2016 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S, ông Nguyễn Mạnh H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền sở hữu số tiền 7.399.009.925 đồng (Bảy tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, không trăm linh chín nghìn, chín trăm hai mươi lăm đồng) do Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S và ông Nguyễn Mạnh H đã thanh toán.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về phạt vi phạm hợp đồng số tiền 274.917.341 đồng (Hai trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm mười bảy nghìn, ba trăm bốn mươi mốt đồng).

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí đối với yêu cầu tiếp thực hiện hợp đồng; 114.352.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí đối với yêu cầu thanh toán số tiền lần 02 đợt 01 năm 2016, lần 01 đợt 02 năm

2017, tiền lãi suất phát sinh của hợp đồng và 13.745.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí đối với yêu cầu phạt hợp đồng; tổng cộng buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải chịu 131.097.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được khấu trừ 57.300.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000213 ngày 09 tháng 11 năm 2017. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ còn phải nộp 73.797.000 đồng (Bảy mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

+ Hoàn trả cho ông Nguyễn Mạnh H 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003174 ngày 14 tháng 11 năm 2018.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003127 ngày 20 tháng 3 năm 2019.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đăng Phồn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thu Từ **Thái Thị Hồng Vân** **Nguyễn Đăng Phồn**